TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày: 08-04-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Trịnh Hoàng Giang

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Th- ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 3 năm 2022. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Hộ kinh doanh Th

- *Người đại diện hợp pháp:* Ông Châu Thanh L, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã L1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

-*Bị đơn*: Ông Chiêm Hoàng G, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp H1, xã H2, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn - Ông Châu Th trình bày:

Nguyên Hộ kinh doanh Th có bán vật tư nông nghiệp cho ông Chiêm Hoàng G nhiều vụ, khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2021. Đến vụ Đông Xuân năm 2020, kết toán sổ ông G còn thiếu số tiền 70.000.000 đồng, hẹn đến khi thu hoạch xong vụ lúa thì sẽ trả tiền nhưng ông G không thực hiện, vụ tiếp theo là vụ Đông

Xuân năm 2021 ông G mua thêm vật tư nông nghiệp của số tiền là 22.225.000 đồng, ông G có trả được 19.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 3.225.000 đồng, hai bên thỏa thuận nếu không trả tiền đúng hạn, sau 03 tháng sẽ được tính lãi 2%/01tháng nhưng không lập thành văn bản. Thực tế sau mỗi vụ lúa, nếu ông G có thiện chí thanh toán tiền phân thì ông đều giảm lãi cho ông G chứ không thu đủ tiền lãi 2% như thỏa thuận. Việc ông G thiếu nợ và sang sổ sau mỗi vụ ông đều có ghi rõ vào sổ chính lưu giữ tại cửa hàng và sao ra sổ phụ giao cho ông G cất giữ. Tại phiên hòa giải tại ấp H1, ông G vẫn còn xuất trình sổ phụ, tại Tòa án ông G trình bày không còn tài liệu, chứng từ gì lưu giữ là không đúng.

Nay Hộ kinh doanh Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông G phải trả số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc còn thiếu là 73.225.000 đồng và xin rút lại yêu cầu tính lãi là 7.350.000 đồng.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải, bị đơn - ông Chiêm Hoàng G trình bày: Ông G xác định lời trình bày của ông Long về việc giao kết hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp với ông là đúng. Ông G thừa nhận có mua phân, thuốc bảo vệ thực vật nhiều vụ, lúc trước ông canh tác khoảng 20 công, mỗi vụ lúa mua vật tư nông nghiệp khoảng hơn 20.000.000 đồng và ông có nợ tiền phân của ông L nhưng do ông L tính lãi quá cao, 02%/01 tháng rồi cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc nên ông không có khả năng thanh toán. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L tổng cộng là 80.575.000 đồng thì ông không đồng ý, chứng từ ghi việc mua phân hiện ông không còn lưu giữ nên không cung cấp cho Tòa án, ông G chỉ đồng ý trả gốc và lãi tổng số tiền là 50.000.000 đồng và không tiếp tục trả lãi nữa, hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên yêu cầu trả dần số nợ mỗi năm là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Ông G thừa nhận chữ ký và chữ viết tên theo biên bản ngày 17/6/2021 của ấp H1 mà ông L giao nộp cho Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết của ông.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đương sự trong vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng xét thấy nguyên đơn cho rằng căn cứ vào sổ theo dõi lưu tại cửa hàng để xác định ông G còn nợ số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc là 73.225.000 đồng. Ngoài ra không có văn bản kết toán nợ hay chứng cứ gì khác. Theo biên bản hòa giải ngày 17/6/2021 mà ông L cung cấp cho Tòa án, ông G đã thừa nhận còn nợ ông Long số tiền gốc là 73.225.000 đồng cũng như chữ viết, chữ ký trong biên bản hòa giải đúng là của ông. Việc ông G cho rằng ông L tính lãi suất cao, Tòa án cũng đã ra văn bản yêu cầu ông G cung cấp tài liệu

chứng cứ, tham gia đối chất để làm rõ các ý kiến còn mâu thuẫn và yêu cầu phản tố nhưng ông G không thực hiện. Ngoài ra không có chứng cứ gì chứng minh việc G cho rằng ông L đã tính lãi suất không đúng quy định. Tại phiên tòa, ông L tự nguyện xin rút lại yêu cầu tính lãi số tiền 7.350.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi. Căn cứ Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Th, buộc ông G trả số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc còn thiếu lại là 73.225.000 đồng. Về án phí, do yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Th được chấp nhận, buộc ông G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hộ kinh doanh Th khởi kiện yêu cầu ông Chiêm Hoàng G phải trả trả mua vật tư nông nghiệp còn thiếu đây là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng dân sự mua bán tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cùng xác định ông G đã mua vật tự nông nghiệp tại Hộ kinh doanh Th nhiều vụ khoảng thời gian từ năm 2016 cho đến năm 2021 và sau mỗi vụ thu hoạch lúa đều có kết toán nợ, ông G thanh toán tiền vật tư nếu nợ lại thì sau 03 tháng sẽ được tính lãi. Chứng từ mua bán sẽ được lưu giữ tại sổ chính của cửa hàng ông L, đồng thời sao ra 01 sổ phụ cho ông G giữ.

Xét thấy các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm đều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch được thể hiện bằng lời nói, đối tượng của hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Do đó hợp đồng mua bán được xác lập hợp pháp theo quy định tại Điều 117 và Điều 119 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông G không thừa nhận số tiền mua vật tư gốc còn thiếu là 73.225.000 đồng, ông chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền 50.000.000 đồng, ông G cho rằng ông L đã tính lãi suất cao, tiền lãi cộng dồn vào tiền gốc. Tòa án đã thông báo cho ông G cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời

trình bày của mình, làm đơn yêu cầu phản tố nhưng ông G không thực hiện, không cung cấp, giao nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra ông G cũng không tham gia phiên đối chất theo thông báo của Tòa án, không rõ lý do nên ông G phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ theo biên bản hòa giải ngày 17/6/2021của Ban lãnh đạo ấp H1 Ông G đã thừa nhận còn thiếu số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc là 73.225.000 đồng, phần tiền lãi là 7.350.000 đồng thì ông xin giảm bớt. Như vậy ông G đã thừa nhận việc nợ tiền mua vật tư nông nghiệp gốc của ông L số tiền là 73.225.000 đồng. Đồng thời, xác định chữ viết tên, chữ ký trong biên bản hòa giải tại ấp Hòa Tân mà ông L cung cấp cho Tòa án đúng là của ông nên có cơ sở xác định ông G còn nợ lại Hộ kinh doanh Th số tiền là mua vật tư nông nghiệp gốc là 73.225.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của Hộ kinh doanh Th:

Việc ông L trình bày có thỏa thuận tính lãi suất 2%/01 tháng trong thời gian chậm trả là vượt quá nức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, xét thấy theo các chứng từ mua bán ông L giao nộp, khi kết toán và trả nợ theo các vụ lúa thì ông L đều giảm lãi cho ông G nên mức lãi suất thực tế ông G phải trả cho Hộ kinh doanh Th không vượt mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông L tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu trả nợ lãi từ ngày 12/9/2020 đến ngày 23/6/2021 là 7.350.000 đồng, xét thấy việc ông L yêu cầu rút lại tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho ông G nên Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi. Ngoài ra ông G không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc Hộ kinh doanh Th tính lãi suất không đúng nên không có cơ sở giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy ông G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền do đó căn cứ Điều 440 của Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Th, buộc ông G phải trả số tiền mua vật tư nông nghệp gốc cho Hộ kinh doanh Th là 73.225.000 đồng.

Việc ông G xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng của ông G không được Hộ kinh doanh Th đồng ý nên sẽ xem xét giải quyết khi thi hành án.

Để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày Hộ kinh doanh Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông G không trả đủ tiền thì ông G còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: □p dụng khoản 1 □iều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Th được chấp nhận toàn bộ nên Hộ kinh doanh Th không phải chịu án phí, Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh Th số tiền án phí là 2.014.000 đồng (*Hai triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002430 ngày 27/9/2021.

Ông Chiêm Hoàng G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 73.225.000 đồng x 5% = 3.661.250 đồng làm tròn là 3.661.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 □iều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117 và Điều 119 và Điều 430, khoản 1, 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Th đối với ông Chiêm Hoàng G.

Buộc ông Chiêm Hoàng G phải trả cho cho Hộ kinh doanh Th số tiền mua vật tư nông nghiệp gốc còn thiếu là 73.225.000 đồng (*Bảy mươi ba triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày hộ kinh doanh Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông G không trả đủ tiền thì ông G còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi số tiền là 7.350.000 đồng của Hộ kinh doanh Th đối với ông Chiêm Hoàng G.

3. Về án phí:

Hộ kinh doanh Th không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Hộ kinh doanh Th số tiền án phí đã nộp là 2.014.000 đồng (*Hai triệu, không trăm mười bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002430 ngày 27/9/2021.

Ông Chiêm Hoàng G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 73.225.000 đồng x 5% = 3.661.250 đồng làm tròn là 3.661.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm sáu mươi mốt nghìn đồng*)

Báo cho Hộ kinh doanh Th biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 08/4/2022. Ông Chiêm Hoàng G được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An

+